

Số: /CĐSQG-BCBDACGC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

V/v Đề nghị rà soát, cập nhật nhu cầu hạ tầng
phục vụ lập Thiết kế cơ sở dự án CGC

Kính gửi:

- Văn phòng Bộ;
- Các Cục, Viện, Trung tâm, các đơn vị trực thuộc Bộ.

Thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho dự án “Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương” (gọi tắt là dự án CGC), Cục Chuyển đổi số quốc gia (trước đây là Cục Tin học hóa) đã thực hiện việc tổng hợp nhu cầu hạ tầng phục vụ tính toán, lập Thiết kế cơ sở dự án CGC tại các công văn số 254/THH-BCBDACGC ngày 21/02/2022, công văn số 357/THH-BCBDACGC ngày 08/03/2022 và công văn số 600/THH-BCBDACGC ngày 14/4/2022.

Cục Chuyển đổi số quốc gia đã nhận được nhu cầu đăng ký hạ tầng trên CGC của các đơn vị trong Bộ theo yêu cầu của các văn bản trên được tổng hợp tại Phụ lục số 01 của công văn, những dữ liệu này là đầu vào cho công tác lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án CGC; tính chính xác của nhu cầu đăng ký có ảnh hưởng lớn đến quy mô, khối lượng và hiệu quả đầu tư của dự án CGC.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ giao và xét nhu cầu thực tế của dự án CGC, để đảm bảo tính chính xác nhu cầu hạ tầng trên CGC, đảm bảo việc đầu tư hiệu quả, Cục Chuyển đổi số quốc gia trân trọng đề nghị các đơn vị phối hợp rà soát, cung cấp cập nhật nhu cầu đăng ký hạ tầng trên CGC phù hợp với tình hình triển khai hiện nay theo mẫu tại Phụ lục số 02 của công văn.

Đồng thời, để giúp Cục Chuyển đổi số quốc gia có thể đánh giá về tính hợp lý của nhu cầu đăng ký, đề nghị các đơn vị hỗ trợ cung cấp thông tin sơ bộ liên quan sở cứ pháp lý, sự cần thiết, sự phù hợp, mục tiêu, phạm vi, quy mô, tiến độ thực hiện, kết quả, tính khả thi và hiệu quả đầu tư của hệ thống thông tin cần được triển khai trên CGC theo mẫu tại Phụ lục số 03. **Lưu ý: các đơn vị sẽ cần chịu trách nhiệm với nhu cầu mà mình đã đăng ký.**

Văn bản trả lời của các đơn vị gửi về Cục Chuyển đổi số quốc gia **trước ngày 25/12/2022**. Trong trường hợp các đơn vị cần hợp trao đổi trực tiếp với Cục Chuyển đổi số quốc gia đề nghị thông báo cho Cục biết để được phối hợp sắp xếp chương trình làm việc.

Đầu mối liên hệ: Đ/c Mai Thùy Ngân, Trưởng ban chuẩn bị dự án CGC
(Điện thoại: 0966.68.66.99, Email: nganmt@mic.gov.vn).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Nguyễn Huy Dũng (để b/c);
- Lưu: VT, BCB DACGC.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Lịch

PHỤ LỤC 01

NHU CẦU SỬ DỤNG HẠ TẦNG TỪ DỰ ÁN CGC ĐÃ ĐƯỢC CÁC ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ

(Kèm theo công văn số /CDSQG-BCBDACGC ngày tháng năm 2022 của Cục Chuyển đổi số quốc gia)

1. Nhu cầu đối với các dự án đầu tư công

STT	Tên dự án đầu tư công	Cấp độ an toàn hệ thống thông tin	Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2023			Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2024			Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2025		
			CPU	RAM	Lưu trữ	CPU	RAM	Lưu trữ	CPU	RAM	Lưu trữ
			(Core)	(GB)	(GB)	(Core)	(GB)	(GB)	(Core)	(GB)	(GB)
I	Báo chí, truyền thông		632	3.712	171.049	848	5.248	230.031	1.064	6.272	289.014
	Cục Báo chí		632	3.712	171.049	848	5.248	230.031	1.064	6.272	289.014
1	Hệ thống lưu trữ và phân tích dữ liệu báo chí, truyền thông quốc gia	3	632	3.712	171.049	848	5.248	230.031	1.064	6.272	289.014
II	Khối ICT		4.673	12.968	516.510	7.454	25.237	814.012	8.398	28.026	944.848
	Cục An toàn thông tin		2.868	6.900	389.322	3.174	7.689	442.616	3.528	8.600	503.948
2	Xây dựng hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ điện tử	3	529	3.275	224.250	608	3.766	257.888	700	4.331	296.571
3	Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử	3	850	1.700	35.512	850	1.700	35.512	850	1.700	35.512
4	Hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng	3	1.237	1.355	37.720	1.423	1.558	43.378	1.636	1.792	49.885
5	Hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin	2	77	202	4.440	92	242	5.328	111	290	6.394
6	Hệ thống trang thiết bị phát hiện và phòng chống tấn công cho ứng dụng CNTT dùng chung tại Bộ Thông tin và Truyền thông	3	175	368	87.400	201	423	100.510	231	487	115.586
	Cục Chuyển đổi số quốc gia (trước đây là Cục Tin học hóa)		1.357	3.476	100.988	3.832	14.956	345.196	4.422	16.834	414.700
7	Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	4	832	2.576	76.700	1.672	5.184	154.900	1.672	5.184	154.900
8	Xây dựng Trung tâm giám sát quốc gia về Chính phủ điện tử (giai đoạn 2)	4				1.372	8.422	153.864	1.568	9.625	205.152

STT	Tên dự án đầu tư công	Cấp độ an toàn hệ thống thông tin	Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2023			Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2024			Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2025		
			CPU	RAM	Lưu trữ	CPU	RAM	Lưu trữ	CPU	RAM	Lưu trữ
			(Core)	(GB)	(GB)	(Core)	(GB)	(GB)	(Core)	(GB)	(GB)
9	Hệ thống kiểm định chức năng, hiệu năng các giải pháp phục vụ Chính phủ số	3	525	900	24.288	788	1.350	36.432	1.182	2.025	54.648
	Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông		448	2.592	26.200	448	2.592	26.200	448	2.592	26.200
10	Hệ thống quản lý, thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số quốc gia (giai đoạn 1)	2	448	2.592	26.200	448	2.592	26.200	448	2.592	26.200
III	Hoạt động nội bộ		153	394	51.300	153	394	51.300	153	394	51.300
	Văn phòng Bộ		128	344	50.900	128	344	50.900	128	344	50.900
11	Hệ thống cung cấp dịch vụ công, hiển thị dữ liệu số hoạt động phát triển ngành và môi trường cộng tác Myministry của Bộ Thông tin và Truyền thông	2	128	344	50.900	128	344	50.900	128	344	50.900
	Trường Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ quản lý Thông tin và Truyền thông		25	50	400	25	50	400	25	50	400
12	Trường đào tạo bồi dưỡng số	2	25	50	400	25	50	400	25	50	400
	TỔNG CỘNG		5.458	17.074	738.859	8.455	30.879	1.095.343	9.615	34.692	1.285.162

2. Nhu cầu đối với các dự án/hệ thống khác

STT	Tên Hệ thống	Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2023			Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2024			Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2025		
		CPU	RAM	Lưu trữ	CPU	RAM	Lưu trữ	CPU	RAM	Lưu trữ
		(Core)	(GB)	(GB)	(Core)	(GB)	(GB)	(Core)	(GB)	(GB)
I	Khối Báo chí, truyền thông	1.616	3.712	87.016	1.616	3.712	107.160	1.616	3.712	128.840
1	Báo VietNamNet	256	640	5.608	256	640	6.120	256	640	6.120
1.1	Dữ liệu Báo VietNamNet	128	256	2.036	128	256	2.548	128	256	2.548
1.2	Ứng dụng giá trị gia tăng và video	128	384	3.572	128	384	3.572	128	384	3.572
2	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	224	352	4.352	224	352	8.448	224	352	14.592
2.1	Cơ sở dữ liệu văn bản, hồ sơ giấy phép lĩnh vực	16	32	1.024	16	32	1.024	16	32	1.024
2.2	Lưu trữ và đo lường lĩnh vực thông tin điện tử	208	320	3.328	208	320	7.424	208	320	13.568

STT	Tên Hệ thống	Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2023			Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2024			Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2025		
		CPU	RAM	Lưu trữ	CPU	RAM	Lưu trữ	CPU	RAM	Lưu trữ
		(Core)	(GB)	(GB)	(Core)	(GB)	(GB)	(Core)	(GB)	(GB)
3	Cục Thông tin cơ sở	976	2.336	63.456	976	2.336	77.792	976	2.336	92.128
3.1	Phần mềm thu thập số liệu, chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của Đài Truyền thanh cấp xã và cơ sở truyền thanh – truyền hình cấp huyện	128	320	6.144	128	320	6.144	128	320	6.144
3.2	Nền tảng công nghệ cung cấp thông tin nguồn và quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở	472	1.152	48.656	472	1.152	60.944	472	1.152	73.232
3.3	Nền tảng công nghệ phục vụ tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thông tin, tuyên truyền.	224	528	4.312	224	528	5.336	224	528	6.360
3.4	Nền tảng công nghệ cung cấp, tiếp nhận, xử lý và phản hồi thông tin phản ánh của người dân	152	336	4.344	152	336	5.368	152	336	6.392
4	Cục Thông tin đối ngoại	48	192	12.000	48	192	12.000	48	192	12.000
4.1	Cổng thông tin đối ngoại vietnam.vn	24	96	6.000	24	96	6.000	24	96	6.000
4.2	Cổng thông tin ASEAN Việt Nam aseanvietnam.vn	24	96	6.000	24	96	6.000	24	96	6.000
5	Tạp chí Thông tin và Truyền thông	112	192	1.600	112	192	2.800	112	192	4.000
5.1	Tòa soạn số hợp nhất (Hệ thống Tạp chí điện tử)	112	192	1.600	112	192	2.800	112	192	4.000
II	Khối Bưu chính, chuyển phát	388	928	65.896	388	944	66.996	388	944	67.996
6	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông	272	544	59.400	272	544	59.400	272	544	59.400
6.1	Hệ thống xuất bản trực tuyến	64	128	14.400	64	128	14.400	64	128	14.400
6.2	Hạ tầng số của Nhà xuất bản	192	384	43.200	192	384	43.200	192	384	43.200
6.3	Hệ thống thư viện điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông	16	32	1.800	16	32	1.800	16	32	1.800
7	Trường Cao đẳng Công nghiệp in	16	32	1.200	16	48	2.300	16	48	3.300
7.1	Hệ thống đào tạo trực tuyến	8	16	1.000	8	32	2.000	8	32	3.000
7.2	Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo	8	16	200	8	16	300	8	16	300
8	Vụ Bưu chính	100	352	5.296	100	352	5.296	100	352	5.296
8.1	Cổng dữ liệu bưu chính	36	256	4.096	36	256	4.096	36	256	4.096
8.2	CSDL Doanh nghiệp bưu chính	64	96	1.200	64	96	1.200	64	96	1.200
III	Khối ICT	1.301	3.874	197.334	1.317	3.906	271.942	1.349	3.942	350.752
9	Cục An toàn thông tin	528	2.628	176.302	528	2.628	247.910	528	2.628	321.720

STT	Tên Hệ thống	Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2023			Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2024			Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2025		
		CPU	RAM	Lưu trữ	CPU	RAM	Lưu trữ	CPU	RAM	Lưu trữ
		(Core)	(GB)	(GB)	(Core)	(GB)	(GB)	(Core)	(GB)	(GB)
	(Tên hệ thống: Cổng thông tin điện tử Cục Viễn thông)									
14.2	Dự án: "Hệ thống Hỗ trợ phát triển Mạng và Dịch vụ" (Tên hệ thống: Cổng thông tin điện tử Cục Viễn thông)	0	0	20.000	0	0	20.000	0	0	20.000
E	Hoạt động nội bộ	432	768	128.464	464	832	141.936	464	832	204.032
15	Văn phòng Bộ	312	576	118.368	344	640	127.840	344	640	187.936
15.1	Hệ thống cơ sở dữ liệu về kiến nghị của Bộ (1749/QĐ-BTTTT ngày 03/11/2021)	96	192	6.448	112	224	10.672	112	224	16.144
15.2	Nền tảng Chuyển đổi số nội bộ dùng chung của Khối cơ quan Bộ (858/QĐ-BTTTT ngày 15/6/2021)	96	192	108.848	112	224	113.072	112	224	118.544
15.3	Hệ thống cơ sở dữ liệu lưu trữ điện tử (Quyết định số 795/QĐ-BTTTT ngày 13/5/2020 của Bộ trưởng Bộ TTTT phê duyệt Đề án chỉnh lý, số hoá tài liệu lưu trữ giai đoạn 2020-2022 của Văn phòng Bộ)	60	96	1.024	60	96	2.048	60	96	2.048
15.4	Hệ thống báo cáo trực tuyến Bộ TTTT	60	96	2.048	60	96	2.048	60	96	51.200
16	Vụ Hợp tác quốc tế	32	32	2.000	32	32	4.000	32	32	4.000
16.1	Hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu HTQT	32	32	2.000	32	32	4.000	32	32	4.000
17	Vụ Khoa học và Công nghệ	8	32	4.000	8	32	6.000	8	32	8.000
17.1	Hệ thống Quản lý cơ sở dữ liệu về đề tài, nhiệm vụ KHCN, TCVN và QCVN, các tổ chức đánh giá sự phù hợp.	8	32	4.000	8	32	6.000	8	32	8.000
18	Thanh Tra Bộ	80	128	4.096	80	128	4.096	80	128	4.096
18.1	Nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước của Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông	40	64	2.048	40	64	2.048	40	64	2.048
18.2	Hệ thống giám sát cảnh báo sớm các đối tượng quản lý	40	64	2.048	40	64	2.048	40	64	2.048
TỔNG		3.761	9.346	500.710	3.809	9.458	610.034	3.849	9.526	773.620

PHỤ LỤC 02

CẬP NHẬT NHU CẦU CỦA CÁC ĐƠN VỊ

(Kèm theo công văn số /CĐSQG-BCBDACGC ngày tháng năm 2022 của Cục Chuyển đổi số quốc gia)

Stt	Tên Hệ thống	Cấp độ an toàn hệ thống thông tin (1)	Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2023			Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2024			Tổng tài nguyên cần cung cấp năm 2025			Nhu cầu riêng (vật lý/máy ảo)	Thông tin hệ thống					Thời gian triển khai		Ghi chú
			CPU	RAM	Lưu trữ	CPU	RAM	Lưu trữ	CPU	RAM	Lưu trữ		OS	Network/Storage			Khác	Dev/ Test	Production	
			(Core)	(GB)	(GB)	(Core)	(GB)	(GB)	(Core)	(GB)	(GB)						(Backup, ...)			
																Throughput	Latency	IOPS		
I	<Tên Dự án/hoạt động ứng dụng CNTT>																			
1	<Tên hệ thống>																			
2																				

(1) Là cấp độ an toàn hệ thống thông tin được duyệt.

Lưu ý: Tổng tài nguyên cần cung cấp ở các năm 2024, 2025 là bao gồm cả tổng tài nguyên đăng ký năm 2023 và nhu cầu tăng trưởng theo từng năm.

.....

PHỤ LỤC 03

MÔ TẢ THÔNG TIN SƠ BỘ LIÊN QUAN ĐẾN HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ TRIỂN KHAI TRÊN CGC

(Kèm theo công văn số /CDSQG-BCBDACGC ngày tháng năm 2022
của Cục Chuyển đổi số quốc gia)

Với mỗi hệ thống thông tin đăng ký nhu cầu tại Phụ lục 02, đề nghị các đơn vị giúp cung cấp các thông tin sau:

1. Đề nghị các các đơn vị hỗ trợ cung cấp Quyết định phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương hoặc Quyết định phê duyệt *Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế kỹ thuật/Đề cương và dự toán chi tiết hoặc Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT* của hệ thống thông tin.

Trường hợp chưa được phê duyệt, thì cung cấp thông tin sơ bộ liên quan đến hệ thống thông tin có nhu cầu chạy trên CGC như sau:

- Căn cứ pháp lý;
- Sự cần thiết thực hiện;
- Sự phù hợp với quy hoạch, kiến trúc;
- Mục tiêu, phạm vi, quy mô;
- Tiến độ thực hiện;
- Kết quả đầu ra, tính khả thi và hiệu quả đầu tư của hệ thống thông tin.

2. Mô tả kiến trúc hệ thống tin của đơn vị:

.....
.....

3. Yêu cầu về cơ sở dữ liệu và lưu trữ, chính sách sao lưu dữ liệu:

.....
.....

4. Yêu cầu về hệ thống giám sát, theo dõi:

.....
.....

5. Yêu cầu về an toàn thông tin, bảo mật, mã hóa:

.....
.....

6. Đề nghị nêu rõ các nhu cầu đặc thù khác (về an toàn an ninh thông tin, phân vùng riêng cho ứng dụng,...) phục vụ triển khai hệ thống do đơn vị sử dụng dịch vụ thực hiện (*nếu có*):

.....

.....

.....